

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1- ĐỒNG THÁP**

Bản án số: 191/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 16-7-2025

V/v tranh chấp "Ly hôn, nuôi con
khi ly hôn"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Thanh Tuyền**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Trần Văn Bé Ba**.

2. Bà **Lê Thị Bé Bẩy**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lê Nguyễn Ái Quyên**, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1-Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1, Đồng Tháp tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Việt Phương, Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 241/2026/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2026 về tranh chấp "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 184/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 156/2026/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Trịnh Thị Thu D**, sinh năm 1995; (xin vắng mặt)

Căn cước công dân số: 082302006307 cấp ngày 17/11/2022.

Địa chỉ: Ấp H (nay là Hòa Bình), xã M, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Anh **Hồ Minh Tuấn E**, sinh năm 1989; (vắng mặt)

Căn cước công dân số: 082098011572 cấp ngày 30/05/2024.

Địa chỉ: Ấp H (nay là Hòa Bình), xã M, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trịnh Thị Thu D trình bày:**

Chị và anh T Em cưới nhau vào năm 2020 do tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 20, ngày 02/6/2020. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị chung sống hạnh phúc cho đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là vợ chồng không hợp nhau về tính cách, không có tiếng nói chung nên thường xuyên tranh cãi. Vợ chồng đã cố gắng hàn gắn nhiều lần nhưng không có kết quả. Hiện tại, chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được, nên chị yêu cầu Tòa án cho chị được ly hôn với anh Tuấn E.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Hồ Ngọc Lan C, sinh ngày 22/01/2020 và Hồ Ngọc Lan M, sinh ngày 27/5/2023. Hiện cả hai con đang sống với chị D. Trước đây, tại đơn xin ly hôn, chị D có yêu cầu để anh Tuấn E nuôi cháu M, nhưng nay chị thay đổi ý kiến, yêu cầu được nuôi cả 02 con để các con có đầy đủ tình cảm chị em. Chị không yêu cầu anh Tuấn E cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn anh Hồ Minh Tuấn E đã được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác theo quy định, nhưng không có văn bản trình bày ý kiến và vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.*

* Tại phiên tòa:

- Các đương sự vắng mặt nên không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1, Đồng Tháp phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Cụ thể: Về hôn nhân, cho chị D được ly hôn với anh Tuấn E do mâu thuẫn đã trầm trọng; về con chung, giao cháu Lan C và Lan M cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của chị D về việc không yêu cầu cấp dưỡng; về tài sản chung và nợ chung không có nên không xem xét; về án phí, chị D phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xem xét. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nghe lời trình bày của các đương sự và ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Trịnh Thị Thu D có đơn xin vắng mặt và bị đơn anh Hồ Minh Tuấn E đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều

228 và khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt chị D1 và anh Tuấn E.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn và bị đơn có nơi cư trú tại ấp H, xã M, tỉnh Đồng Tháp. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình với quan hệ tranh chấp “Ly hôn, nuôi con khi ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự sửa đổi bổ sung năm 2025, khoản 1 Điều 4 Nghị quyết 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 và Điều 51, 53 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về nội dung tranh chấp: Chị D cho rằng chị và anh Tuấn E có mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn và tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu ly hôn với anh Tuấn E. Về con chung, chị D và anh Tuấn E có 02 con chung đang sống với chị D nên chị D yêu cầu nuôi con. Về tài sản chung, chị D không có, về nợ chung không có.

[4] Xét yêu cầu của chị D:

[4.1] Về hôn nhân: Chị D và anh T Em kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 20, ngày 02/6/2020 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Theo quy định tại Điều 8, 9 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định thì “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác*”. Tuy nhiên, theo lời trình bày của chị D, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn gay gắt từ năm 2023, nguyên nhân chính là do tính cách không hòa hợp, thiếu tiếng nói chung. Cả hai đã có thời gian dài chung sống nhưng không thể giải quyết được mâu thuẫn. Quá trình giải quyết vụ án, anh Tuấn E vắng mặt không có lý do, không có thiện chí hàn gắn đoàn tụ. Điều này cho thấy tình trạng mâu thuẫn là có thật và đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị D là có cơ sở, phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4.2] Về con chung:

- Chị D và anh Tuấn E có 02 con chung là cháu Hồ Ngọc Lan C, sinh ngày 22/01/2020 và Hồ Ngọc Lan M, sinh ngày 27/5/2023. Xét thấy, hiện cả hai cháu đang sống ổn định cùng chị D và được chị chăm sóc, nuôi dưỡng tốt. Việc chị D thay đổi yêu cầu từ việc để anh Tuấn E nuôi một con sang yêu cầu nuôi cả hai con là nhằm đảm bảo sự phát triển tình cảm chị em và sự ổn định cho các cháu, sự thay đổi yêu cầu khởi kiện này không vượt quá phạm vi ban đầu theo Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Quá trình giải quyết, anh Tuấn E không có ý kiến hay tranh chấp về việc nuôi con. Vì vậy, Hội đồng xét xử

chấp nhận giao con cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình.

- Về cấp dưỡng: Chị D không yêu cầu anh Tuấn E cấp dưỡng nuôi con. Đây là sự tự nguyện của chị D, không trái với quy định với pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị D xác định không có và chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[5] Về án phí: Chị D phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[6] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử nên được ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, khoản 1 Điều 238, Điều 244, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

Căn cứ Điều 8, 9, 51, 53, 56, 81, 82, 83, 107, 110, 116 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 7 của Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 hướng dẫn một số quy định của pháp luật trong việc giải quyết vụ việc về Hôn nhân và gia đình; Điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trịnh Thị Thu D.

- Về hôn nhân: Chị Trịnh Thị Thu D được ly hôn với anh Hồ Minh Tuấn E.

- Về con chung:

+ Giao con chung tên Hồ Ngọc Lan C, sinh ngày 22/01/2020 và Hồ Ngọc Lan M, sinh ngày 27/5/2023 cho chị Trịnh Thị Thu D trực tiếp nuôi dưỡng.

+ Anh Tuấn E1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

+ Về cấp dưỡng: Ghi nhận sự tự nguyện của chị Trịnh Thị Thu D không yêu cầu anh Hồ Minh T Em cấp dưỡng nuôi con.

2. Về án phí:

- Chị Trịnh Thị Thu D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006896 ngày 07/5/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

3. Về quyền kháng cáo: Chị D và anh Tuấn E1 được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 1, Đồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- UBND xã Mỹ Tịnh An, Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu: án văn, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**



Trần Thị Thanh Tuyền